

**CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGÀNH, NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

A. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở đăng ký: Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa

Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: Thanh Hoa Medical College

2. Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.951.081, Fax: 02373.950.410

Website: cyt.edu.vn, Email: pdtcaodangyuth@gmail.com

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp) số: 2360/QĐ-BGDĐT

Ngày, tháng, năm cấp: 11/05/2004. Cơ quan cấp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Họ và tên Hiệu trưởng: Mai Văn Bảy

Quyết định bổ nhiệm/công nhận số: 638/QĐ-UBND ngày 18/02/2019. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 42/2022/GCNDKHHĐ-TCGDNN.

Ngày, tháng, năm cấp: 06/6/2022. Cơ quan cấp: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô đào tạo/năm	Trình độ đào tạo
1.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	6720603	40	Cao đẳng

B. CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO.

1.1.Cơ sở vật chất: Chung cho tất cả các ngành/ quy mô toàn trường

Phòng làm việc, khu nhà hiệu bộ: Có đầy đủ các phòng làm việc, phòng hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, ban, bộ môn chuyên khoa, bảo đảm diện tích chỗ làm việc trung bình cho 300 giáo viên cơ hữu và kiêm chức : 9.5m²/ người (*Đảm bảo diện tích theo quy định 8 m²/ người*).

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1.	Phòng Hiệu trưởng	01	50	
2.	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	80	
3.	Phòng Chủ tịch Hội đồng Trường	01	40	
4.	Phòng Quản lý Đào tạo	02	120	
5.	Phòng Tổ chức - Hành chính	03	120	
6.	Phòng Tài chính - Kế toán	02	80	
7.	Phòng Khảo thí & KĐCL	04	120	
8.	Phòng Công tác HS-SV	02	80	
9.	Phòng Quản lý Khoa học & QHQT	02	80	
10.	Ban đào tạo theo nhu cầu xã hội	01	50	
11.	Phòng hội nghị	03	250	
12.	Phòng văn thư	01	40	
13.	Ban Quản lý Ký túc xá	01	50	
14.	Phòng khám bệnh	01	1000	
15.	Bộ môn Nội - Truyền nhiễm	01	40	
16.	Bộ môn Ngoại	01	40	
17.	Bộ môn Sản	01	40	
18.	Bộ môn Nhi	01	40	
19.	Bộ môn Xét nghiệm	01	40	
20.	Bộ môn Y cơ sở	01	40	

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
21.	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	01	40	
22.	Bộ môn Y tế công cộng	01	40	
23.	Bộ môn Điều dưỡng	01	40	
24.	Bộ môn Dược	01	40	
25.	Bộ môn Chuyên khoa	01	40	
26.	Bộ môn PHCN – Đông Y	01	40	
27.	Bộ môn Khoa học tự nhiên	01	40	
28.	Bộ môn Ngoại ngữ	01	40	
29.	Bộ môn LLCT - GDTC&QP	01	40	
30.	Phòng nghỉ giáo viên	03	90	
	TỔNG	44	2850	

Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1.	Sân thể thao	02	1500	
2.	Căng tin	01	500	
3.	Ký túc xá	60 (Phòng)	3000	
4.	Phòng khám bệnh đa khoa	20	1500	
5.	Hội trường lớn	01	500	
6.	Phòng đa phương tiện	01	200	

1.2. Danh mục các phòng:

- Phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy đảm bảo từ 5,5 m²/chỗ học/ tại 1 thời điểm (bố trí 02 ca học sáng, chiều/ngày).

- Thực tế đáp ứng 200% chỉ tiêu khi sử dụng 2 buổi sáng/ chiều/ ngày.

STT	Phòng thực hành	Số phòng	Ghi chú
1.	Phòng lý thuyết:	05	225
2.	Phòng học Tin học	02	200
3.	Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ	01	75
4.	Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng	01	75
5.	Phòng thực hành Giải phẫu	02	120
6.	Thực hành Sinh lý – Lý sinh	01	60
7.	Phòng thực hành Sinh học	01	60
8.	Phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng	01	60
9.	Phòng thực hành Hóa học	01	60
10.	Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng	01	100
11.	Phòng thực hành Vật lý trị liệu 1	01	100
12.	Phòng thực hành Vật lý trị liệu 2	01	100
13.	Phòng thực hành Hoạt động trị liệu	01	200
14.	Tổng	19	1435

1.3. Thiết bị, dụng cụ đào tạo: Đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết theo danh mục tối thiểu quy định của Bộ LĐTBXH cho các ngành nghề. Số lượng các phòng cụ thể như sau:

Phòng 1. Phòng lý thuyết:

Giảng dạy kiến thức các môn học chung, kiến thức lý thuyết của các môn học, mô đun của chương trình đào tạo các ngành nghề. Đồng thời phòng lý thuyết có chức năng rèn luyện, phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, thuyết trình về kiến thức hiểu biết chung và kiến thức chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1

2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Bàn, ghế,	Bộ	20
5	Bảng tiêu chuẩn	Chiếc	1

Phòng 2. Phòng học Tin học:

Giảng dạy thực hành, tích hợp, rèn luyện các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thuộc 1 trong 6 môn học chung .

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính – kèm các phần mềm chuyên dùng	Bộ	48
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Ổn áp điện	Chiếc	4
6	Bàn ghế phù hợp	Bộ	48

Phòng 3. Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như *Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Tư vấn sử dụng thuốc, Sử dụng thuốc trong điều trị, Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm...* có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính – Kèm hệ thống phần mềm chuyên dùng	Bộ	36
3	Hệ thống màn hình thông minh	Chiếc	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tai nghe	Bộ	36
	Các phần mềm tích hợp		
6	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
7	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
II	Dụng cụ		
1.	Bộ bàn ghế	Bộ	36
2.	Bảng di động	Chiếc	1

Phòng 4. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng:

Dùng giảng : Cho các học phần: Dinh dưỡng tiết chế - Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dịch tễ học, Y xã hội, Điều dưỡng cộng đồng, Sức khỏe - Vệ sinh – Môi trường; Pháp luật – Tổ chức y tế....)

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Máy quay phim video, máy ảnh, ghi âm	Bộ	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1

6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	1
8	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	1
9	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
10	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	1
11	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ Truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	1
12	Máy quay phim Video	Chiếc	1
13	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	1
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
15	Giường người bệnh	Chiếc	1
II	Dụng cụ		
1	Các vaccin mẫu - Vaccin phòng lao (BCG) - Vaccin viêm gan B - Vaccin sởi - Vaccin Bạch hầu – Ho gà – uốn ván - Vaccin bại liệt (uống)	Bộ	3
2	Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở. - Thuốc uống bù nước và điện giải - Paracetamol (500mg) - Thuốc trị cảm cúm - Băng chun y tế - Gạc tiệt trùng - Băng tam giác - Băng urgo - Băng cuộn - Khẩu trang y tế - Găng tay	Túi	3

	- Băng dính vải - Povidine 10% 20ml - Natri clorid 0,9% - Băng viên - Băng cuộn - Nhiệt kế thủy ngân - Thuốc berberin - Dầu gió - Cồn 70^o - Oxy già - Kính bảo vệ mắt - Khẩu trang lọc độc 3M - Tấm nilon không thấm - Gạc đắp vết thương - Miếng khăn giấy tẩm cồn - Phác đồ cấp cứu - Hộp nhựa nhiều tầng		
3	Đệm	Chiếc	1
4	Ga trải giường	Chiếc	1
5	Chăn	Chiếc	1
6	Gối	Chiếc	1
III	Học liệu		
1	Bộ tranh vẽ: nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích. Tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...	Bộ	3
2	Các bảng về truyền thông giáo dục sức khỏe, các	Bộ	3

	tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...		
3	Mô hình/tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	3
4	Tranh/Mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	3
5	Tranh/Mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Chiếc	3
6	Tranh/Mô hình mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	3
7	Hệ thống xử lý rác thải bệnh viện (Thực tập tại cơ sở Y tế)		

Phòng 5. Phòng thực hành giải phẫu

Giảng dạy thực hành giải phẫu các cơ quan trên cơ thể người: giải phẫu bộ xương, hệ cơ, thần kinh, các bộ phận trên cơ thể người...là cơ sở để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Sử dụng cho môn học giải phẫu của tất cả các chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
II	Dụng cụ		
1	Bộ xương người cỡ chuẩn	Bộ	1
2	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	1
3	Mô hình hộp sọ (7 phần)	Bộ	3

4	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng (13 phần)	Bộ	1
5	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ (30 phần)	Bộ	1
6	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu (27 phần)	Bộ	1
7	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	1
8	Mô hình cơ cánh tay - 6 mảnh	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu toàn thân (phủ tạng có thể tháo rời, có 36 phần)	Bộ	1
10	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	3
11	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	3
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	1
13	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	1
14	Mô hình tim	Chiếc	3
15	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	1
16	Mô hình phổi (7 mảnh)	Chiếc	3
17	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	3
18	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
19	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	3
20	Mô hình cơ quan sinh dục nam ***	Bộ	3
21	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ ***	Bộ	3
22	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng ***	Bộ	3
23	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	3
24	Mô hình mắt	Bộ	3
25	Mô hình da phóng đại	Chiếc	3
26	Mô hình tai phóng đại, 6 mảnh	Chiếc	3
27	Mô hình não	Chiếc	3
28	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	3
29	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	3
30	Mô hình cắt đứng qua chậu hông nữ	Chiếc	3

31	Mô hình chi trên/ chi dưới cắt lớp	Bộ	3
32	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	3
III	Học liệu		
1	Các tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Chiếc	3
2	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Chiếc	3
3	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Chiếc	3
4	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Chiếc	3
5	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Chiếc	3
6	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Chiếc	3
7	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Chiếc	3
8	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Chiếc	3
9	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Chiếc	3
10	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Chiếc	3
11	Các tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Chiếc	3
12	Các tranh giải phẫu - sinh lý da	Chiếc	3
13	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Chiếc	3
14	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Chiếc	3
15	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Chiếc	3
16	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Chiếc	3

Phòng 6. Thực hành Sinh lý – Lý sinh :

Giảng dạy thực hành thí nghiệm của môn học Sinh lý – Lý sinh – Sinh lý bệnh: chứng minh, giải thích các tính chất sinh lý của cơ thể, các giả thuyết về bệnh từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng, chăm sóc và điều trị bệnh.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	27

4	Máy li tâm	Chiếc	1
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
8	Nồi hấp	Chiếc	1
9	Cân kỹ thuật	Chiếc	1
10	Nồi cách thủy	Chiếc	1
11	Tủ âm	Chiếc	1
12	Bộ bình cầu	Bộ	1
13	Bộ bình nón	Bộ	1
14	Cốc	Chiếc	1
15	Cốc có mỏ	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 50ml	Chiếc	1
	Loại 100ml	Chiếc	1
	Loại 250ml	Chiếc	1
	Loại 500ml	Chiếc	1
16	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	1
17	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	1
18	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	1
19	Giá để tiêu bản	Chiếc	5
20	Tủ sấy	Chiếc	1
21	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	1
22	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	1
23	Khay chữ nhật	Chiếc	10
24	Khay hạt đậu	Chiếc	1
25	Kim lấy máu	Chiếc	200
26	Lá kính (lamen)	Chiếc	10

27	Ống đồng có chia vạch	Chiếc	1
28	Ống nghiệm	Bộ	100
29	Bộ panh	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có mẫu	Chiếc	1
	Loại cong không mẫu	Chiếc	1
	Loại thẳng có mẫu	Chiếc	1
	Loại thẳng không mẫu	Chiếc	1
30	Pipet	Chiếc	5
31	Tủ lạnh	Chiếc	1
32	Kính hiển vi kết nối hệ thống ti vi	Chiếc	1

Phòng 7. Phòng thực hành Sinh học :

Giảng dạy thực hành môn học : Sinh học đại cương - Di truyền học trong tất cả các ngành nghề đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Kính hiển vi quang học	Chiếc	20
5	Tủ lạnh	cái	1
6	Tủ đựng kính hiển vi	cái	3
7	Tủ kính KN(2mx1.5m)	cái	1
8	Tủ KN	cái	1
9	Khay men loại nhỏ 22x32cm, loại to 30x40cm.	cái	10
10	Giá để lam	cái	5
11	Giá cầm lam	cái	5
12	Giá cầm ống nghiệm inox	Cái	2

13	Hộp petri đựng bông cotton	Hộp	10
14	Bảng kiểm quy trình kỹ thuật.	cái	6
15	Bộ nhuộm tiêu bản	cái	2
16	Hộp đựng tiêu bản	cái	2
17	Chai nút mài thủy tinh 500ml	cái	5
18	Chai nút mài thủy tinh 100ml	cái	5
19	Cốc có mỏ 100ml	cái	5
20	Cốc có mỏ 200ml	cái	5
21	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	3
22	- Ống nghiệm thủy tinh.	cái	20
23	Lam kính, la men	Hộp	10
III	Học liệu		
1	Bộ tiêu bản mẫu gồm: - Tiêu bản tế bào thần kinh tủy sống. - Tiêu bản tế bào thần kinh đại não. - Tiêu bản mẫu phân bào nguyên nhiễm ở rễ hành. - Tiêu bản mẫu phân bào giảm nhiễm ở tinh hoàn châu chấu đực. - Tiêu bản mẫu vật thể Barr. - Tiêu bản máu dãn. - Tiêu bản mẫu bộ Nhiễm sắc thể....	Bộ	5
2	Bộ tranh về cấu tạo tế bào.	Bộ	2
	Bộ tranh về các giai đoạn phân chia tế bào.	Bộ	2

Phòng8. Vi sinh – Ký sinh trùng

Giảng dạy thực hành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Vi sinh – Ký sinh trùng của các ngành nghề đào tạo và môn chuyên ngành của cao đẳng xét nghiệm.

Giảng dạy thực hành các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng:

+ Nghiên cứu các đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu tạo, di truyền,... của các vi sinh vật có lợi và có hại trong cơ thể người hoặc tác động đến cơ thể người.

+ Chẩn đoán bệnh vi sinh – ký sinh trùng nhằm giúp người bệnh có kết quả chính xác nhất về tình trạng bệnh đang mắc phải bằng các xét nghiệm Ký sinh trùng thông qua các dịch cơ thể, bệnh phẩm, ...

- Phục vụ các hoạt động nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các vi sinh vật đến cơ thể người để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Đèn cồn	Chiếc	3
4	Đồng hồ treo tường	Chiếc	1
5	Máy in	Chiếc	1
6	Máy ly tâm	Chiếc	2
7	Cân phân tích điện tử	Cái	1
8	Nhiệt kế theo dõi nhiệt độ tủ bảo quản	Chiếc	1
9	Nồi hấp	Chiếc	1
10	Tủ ấm	Chiếc	1
11	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Thực hành tại cơ sở thực hành)	Chiếc	1
12	Tủ lạnh	Chiếc	2

13	Tủ sấy	Chiếc	1
14	Kính hiển vi quang học	Chiếc	10
II	Dụng cụ		
1	Bể nhuộm bằng thủy tinh	Chiếc	6
2	Bình cầu	Bộ	3
3	Bộ Kim Kocher	Bộ	3
	- Loại cong có mẫu	Chiếc	1
	- Loại cong không mẫu	Chiếc	1
	- Loại thẳng có mẫu	Chiếc	1
	- Loại thẳng không mẫu	Chiếc	1
4	Bộ cốc có chân, gồm các loại:(<i>Kho phòng TH Hoá</i>)	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
	- Loại 250 ml	Chiếc	1
	- Loại 500 ml	Chiếc	1
	- Loại 1000 ml	Chiếc	1
5	Bộ cốc có mỏ, gồm các loại:	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
6	Bộ phễu, gồm:	Bộ	6
	- Phễu lọc	Chiếc	1
	- Giá đựng phễu lọc	Chiếc	1
7	Cối, chày các loại	Bộ	3
	- Đường kính miệng cối 10cm	Chiếc	1
	- Đường kính miệng cối 15cm	Chiếc	1
8	Đĩa peptri	Chiếc	54
9	Đĩa thạch Mueller-Hinton	Chiếc	6
10	Đĩa thủy tinh	Chiếc	5

11	Hộp kháng thủng đựng vật sắc nhọn	Chiếc	3
12	Hộp lưu tiêu bản	Chiếc	3
13	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Chiếc	1
14	Kéo	Bộ	3
	- Kéo cong	Chiếc	1
	- Kéo thẳng	Chiếc	1
15	Khay đựng bệnh phẩm	Cái	3
16	Lọ đựng bệnh phẩm	Chiếc	6
18	Ống độ đục chuẩn McFarland	Chiếc	1
19	Ống đông có chia vạch	Bộ	3
20	Ống hút	Chiếc	18
21	Ống nghiệm , mỗi bộ gồm:	Bộ	3
	- Loại 15 ml	Chiếc	1
	- Loại 20 ml	Chiếc	1
	- Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	1
	- Giá kẹp ống nghiệm(<i>Phòng TH Hoá</i>)	Chiếc	1
22	Ống nghiệm chống đông	Chiếc	9
23	Ống nghiệm có nút bông	Chiếc	9
24	Ống nghiệm có nút vụn	Chiếc	9
25	Ống nghiệm nhựa	Chiếc	6
26	Ống nghiệm thủy tinh	Chiếc	6
27	Ống nghiệm thủy tinh 15 - 20 ml	Chiếc	3
28	Panh nhựa (Dụng cụ thay thế)	Chiếc	3
29	Que cấy	Chiếc	3
30	Que cấy dung tích 1µl và 10µl	Chiếc	3
31	Que phết đờm	Chiếc	3
32	Que thủy tinh	Chiếc	3
33	Thùng đựng rác thải thông thường	Chiếc	1
34	Thùng đựng rác thải y tế	Chiếc	1

35	Thước kẹp(<i>Dụng cụ thay thế</i>)	Chiếc	1
36	Trụ cắm panh	Chiếc	3
37	Tiêu bản mẫu chứng giun sán	Bộ	1
38	Tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét	Bộ	1
39	Tiêu bản mẫu đơn bào	Bộ	1

Phòng 9. Phòng thực hành Hóa học:

Giảng dạy thực hành chứng minh các hiện tượng hoá học, phản ứng hoá học, định tính, định lượng các chất hoá học ... thuộc môn học Hoá học trong tất cả các chương trình đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1.	Máy vi tính	Bộ	1
2.	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3.	Cân phân tích	Chiếc	2
4.	Tủ sấy	Chiếc	1
5.	Tủ đựng hóa chất có lọc hấp	Chiếc	1
6.	Bếp điện	Cái	1
II	Dụng cụ		
1	Dụng cụ các phương pháp chuẩn độ - Buret (25ml) - Giá đỡ buret - Bình định mức (100ml) - Bình nón (100ml) - Cốc chân - Ống đong - Đũa thủy tinh (30cm) - Chén cân	Bộ	5
2	Cốc có mỏ 500ml	Cái	5

3	Cốc có mỏ 100ml	Cái	15
4	Ống nghiệm 15mm	Cái	50
5	Pipet 1ml	Cái	2
6	Pipet 2ml	Cái	1
7	Pipet 5ml	Cái	2
8	Pipet 10ml	Cái	10
9	Pipet bầu 10ml	Cái	3
10	Bình nón 500ml	Cái	5
11	Bình nón 100ml	Cái	20
12	Bình thủy tinh có nút mài 100ml	Cái	9
13	Bình thủy tinh có nút mài 500ml	Cái	7
14	Bình thủy tinh có nút mài 1000ml	Cái	2
15	Bình công tơ hút 100ml	Cái	30
16	Bình công tơ hút 125ml	Cái	30
17	Bình định mức 100ml	Cái	6
18	Bình định mức 500ml	Cái	2
19	Bình định mức 1000ml	Cái	2
20	Bát sứ (đường kính 6,5cm)	Cái	4
21	Cốc chân 500ml	Cái	2
22	Ống đong 10ml	Cái	8
23	Càng cu kẹp buret kim loại	Cái	8
24	Lưới amiang	Cái	5
25	Mặt kính đồng hồ	Cái	6
26	Giá đèn cồn	Cái	5
27	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	1
28	Đũa thủy tinh (30cm)	Cái	5
29	Bình hút ẩm	Cái	1
31	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	20
32	Chén nung	Cái	4

33	Kẹp gở	Cái	8
34	Quả bóp cao su	Cái	4

Phòng 10. Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng (Phòng Đ D 1; 2)

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Cụ thể người học sẽ được hướng dẫn và thực hành các kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh vô khuẩn thầy thuốc, người bệnh, môi trường, kỹ thuật tiêm truyền, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám bệnh, chăm sóc người bệnh, cho người bệnh uống thuốc, vệ sinh cho người bệnh...

Dùng để giảng môn: Điều dưỡng cơ bản 1, 2, Điều dưỡng và cấp cứu ban đầu, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý điều dưỡng thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	3
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Giường người bệnh	Chiếc	4
5	Tủ đầu giường*	Chiếc	1
6	Cáng*	Chiếc	1
7	Xe cáng người bệnh	Chiếc	1
8	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	1
9	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	3
10	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	5
11	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	3
12	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
13	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
14	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	5

II	Dụng cụ		
1	Bảng	Chiếc	1
2	Đệm	Chiếc	4
3	Chăn	Chiếc	4
4	Ga trải giường	Chiếc	5
5	Gối	Chiếc	4
6	Đệm nước*	Chiếc	1
7	Đệm hơi*	Chiếc	1
8	Dụng cụ rửa tay - Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt - Kéo cắt móng tay - Trụ cầm kim - Panh Kocher - Bàn chải mềm - Hộp đựng khăn vô khuẩn - Hộp đựng dung dịch khử khuẩn - Cốc - Táp dề - Túi đựng đồ bẩn	Bộ	1
9	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Bộ	5
10	Các loại săng - Săng mổ - Săng có lỗ - Săng trải giường - Tấm lót	Bộ	5
11	Bô các loại - Bô dẹt - Bô vệt	Bộ	3
12	Xô các loại	Bộ	3

13	Chậu các loại	Bộ	3
14	Túi đựng dụng cụ cấp cứu*	Túi	1
15	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	3
16	Mô hình tiêm mông	Bộ	3
17	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	5
18	Mô hình thắt tháo	Bộ	3
19	Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch)	Bộ	3
20	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	3
21	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	3
22	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	3
23	Dụng cụ chườm - Khay chữ nhật - Trụ cắm Panh Kocher - Panh Kocher - Túi chườm - Cốc - Khăn bông to, nhỏ - Chậu + ca - Vô đập đá - Phích đựng nước nóng	Bộ	3
24	Dụng cụ tiêm - Khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có máu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cotton - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	5

	- Dây garo và gối nhỏ		
25	Dụng cụ truyền - Khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có mẫu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cotton - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Cọc truyền inox 2 tai treo - Khay hạt đậu - Bộ thử test đầu giường - Dây garo và gối nhỏ	Bộ	3
26	Dụng cụ cho người bệnh uống thuốc - Khay chữ nhật - Cốc đựng thuốc - Bình nước - Cốc chia vạch - thìa gạt	Bộ	3
27	Dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh - Khay - Trụ cắm panh - Panh kocher - Hộp đựng bông gạc - Que bệt	Bộ	3
29	Dụng cụ cho ăn bằng đường miệng - Khay inox - Săng - Khay hạt đậu - Cốc đựng nước chín	Bộ	3

	- Cốc đựng thức ăn - Bát và 2 thìa - Chậu		
30	Dụng cụ cho ăn bằng đường thông - Khay inox - Săng - Khay hạt đậu - Ống nghe tim phổi - Ống thông Clini - Ống thông Levin - Bơm tiêm 50ml - Cốc đựng nước chín - Cốc đựng thức ăn - Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin - Hộp tròn đựng bông cầu - Đè lưỡi - Chậu	Bộ	3
31	Dụng cụ hút đờm rãi - Máy hút dịch 2 bình - Sonde các loại - Khay hạt đậu - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Cốc đựng nước chín - Hộp đựng bông gạc	Bộ	2
32	Dụng cụ chăm sóc răng miệng - Khay inox - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Khay hạt đậu	Bộ	

	- Hộp inox đựng bông cầu - Ca đựng nước, bình đựng nước - Đè lưới - Kim mở miệng - Bàn chải		3
33	Dụng cụ rửa mặt - Chậu - Máy cạo râu* - Khăn rửa mặt	Bộ	3
34	Dụng cụ chải đầu, gội đầu - Máy sấy tóc - Khay - Khay hạt đậu - Máng gội đầu* - Lược- Xô*- Chậu*- Ca	Bộ	3
35	Dụng cụ tắm tại giường - Khay - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Hộp đựng bông gạc - Ca - Thùng - Chậu - Bình phong	Bộ	3
36	Dụng cụ thay băng - Khay - Kéo thẳng - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher	Bộ	3

	- Kẹp phẫu tích		
37	Dụng cụ rửa vết thương - Khay inox - Kéo thẳng - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher thẳng - Kẹp phẫu tích - Chậu inox	Bộ	3
38	Dụng cụ cắt chỉ vết thương - Khay - Kéo thẳng - Kéo cong - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher - Kẹp phẫu tích	Bộ	3
39	Dụng cụ thắt tháo - Khay - Trụ cầm panh - Panh Kocher - Bộc thắt - Dây cao su mềm - Canuyn và khóa van - Chậu- Ca - Cốc - Gối - Bô - Quả bóp cao su và thông Nelaton	Bộ	3
40	Dụng cụ cho người bệnh thở ôxy - Bình oxy	Bộ	

	- Dây thở oxy 2 nhánh - Bình làm ẩm - Khay - Kéo - Hộp đựng bông gạc - Ống sonde Nelaton - Mask thở oxy		3
41	Dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng - Khay - Trục cầm panh * - Kìm kocher - Khay hạt đậu - Cốc - Bơm tiêm 50ml - Sonde Levin	Bộ	3
42	Dụng cụ rửa dạ dày - Khay - Trục cầm panh - Kìm kocher - Ống faucher - Khay hạt đậu - Bơm tiêm 50ml - Cốc - Kìm mở miệng - Đè lưỡi - Xô* - Chậu	Bộ	3
43	Dụng cụ lấy máu xét nghiệm - Khay* - Trục cầm panh*	Bộ	

	- Kim kocher - Dây garo - Gối - Cốc* - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Ống nghiệm		3
44	Dụng cụ lấy phân xét nghiệm - Lọ đựng phân - Bô*	Bộ	3
45	Dụng cụ lấy nước tiểu xét nghiệm - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh* - Kim kocher thẳng - Cốc - Khay hạt đậu* - Ống nghiệm và giá - Ống đong có chia vạch - Bô* - Sonde Nelaton	Bộ	3
46	Dụng cụ lấy dịch tiết xét nghiệm - Ống nhỏ - Ống nghiệm vô khuẩn - Lam kính	Bộ	3
47	Dụng cụ rửa bàng quang - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh inox* - Kim kocher thẳng - Kéo - Cốc* - Khay hạt đậu*	Bộ	3

	- Sonde Nelaton		
48	Dụng cụ chọc dò dịch não tủy (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò tủy sống - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Bộ	3
49	Dụng cụ chọc dò dịch màng bụng (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò - Bơm tiêm 20ml, 50ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu ổ bụng	Bộ	3

50	Dụng cụ chọc dò dịch màng phổi (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò Terumo - Bơm tiêm 20ml, 50ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu màng phổi	Bộ	3
51	Dụng cụ chọc dò dịch màng tim (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò - Bơm tiêm 20 ml, 50 ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu màng tim	Bộ	3

52	Dụng cụ phòng, chống loét - Trụ cầm phanh* - Kim kocher thẳng* - Chậu - Cốc* - Đệm hơi, nước	Bộ	3
53	Dụng cụ sơ cứu gãy xương - Cánh nhựa mặt cứng - Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh) - Băng buộc - Băng tam giác - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Chăn bông - Gói	Bộ	3
54	Dụng cụ sơ cứu vết thương đứt động mạch - Khay chữ nhật - Băng Esmarch - Băng - Băng tam giác - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	3
55	Dụng cụ đo lượng dịch vào ra cơ thể - Ca chia vạch - Cốc có chia vạch - Ống đong	Bộ	3
56	Dụng cụ đặt nội khí quản - Khay chữ nhật - Ống nội khí quản - Đèn soi thanh quản - Hộp cấp thuốc cứu	Bộ	

	phản vệ* - Ống sonde - Bóng ambu - Bình làm ẩm - Cốc* - Bình oxy - Máy hút hai bình		2
57	Dụng cụ mở khí quản - Khay chữ nhật - Trụ cấm phanh* - Kim kocher thẳng có máu* - Kéo - Cốc* - Kẹp phẫu tích - Kim mang kim - Kim khâu da - Dao mổ + cán dao - Kẹp Farabeuf - Bóng ambu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ* - Khay hạt đậu* - Hộp chữ nhật - Hộp tròn	Bộ	3
58	Dụng cụ đặt Catheter (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) - Khay chữ nhật - Trụ cấm phanh - Panh Kocher thẳng có máu	Bộ	

	- Kéo - Cốc - Kẹp phẫu tích có máu - Kim mang kim - Kim khâu da + chỉ line - Dây truyền - Khay hạt đậu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Sonde catheter - Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Hộp an toàn		3
59	Dụng cụ cấp cứu - Bóng ambu - Mask thở - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ*	Bộ	3
60	Băng các loại - Băng cuộn - Băng chun - Băng Esmarch	Bộ	10
III	Học liệu		
1	Các bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	1
2	Các quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	3

Phòng 11. Phòng thực hành Vật lý trị liệu 1

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật: Lượng giá thành thạo chức năng hệ vận động của cơ thể; Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng

nghiệp hiệu quả; Thực hành hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị.

Hướng dẫn thành thạo các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Xử trí đúng và kịp thời các tai biến trong điều trị.

Bố trí giảng dạy môn Phục hồi chức năng trong các Chương trình đào tạo khác tại trường. Giảng môn: Xoa bóp trị liệu, Thủ cơ và đo tầm vận động của khớp, Vận động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Hoạt động trị liệu....

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)/ Smart TV	Bộ	01
3	Bàn vận động	Chiếc	01
4	Bàn tập vật lý trị liệu đa năng điều chỉnh độ cao	Chiếc	01
5	Bàn xoay quay (Thực hành tại cơ sở thực tập)	Chiếc	01
6	Bảng lật	Chiếc	01
7	Cân, thước đo chiều cao	Chiếc	01
8	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03
9	Chăn	Chiếc	01
10	Ga trải giường	Chiếc	01
11	Thước dây	Chiếc	03
12	Bàn làm việc, kèm 2 ghế tựa	Bộ	01
13	Gối	Chiếc	01
14	Đệm	Chiếc	01
15	Thước đo tầm vận động của khớp	Bộ	03
16	Tủ đầu giường	Chiếc	01
17	Giường người bệnh	Chiếc	01

18	Bình phong	Cái	01
19	Cánh	Chiếc	02
20	Búa Phán xạ	Chiếc	02
21	Gối tròn	Chiếc	03
22	Nệm miếng ghép	Chiếc	10
23	Bộ tạ tập	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Tạ tay	Chiếc	03
	Tạ chân	Chiếc	03
24	Ghế gỗ	Chiếc	03
25	Đai hỗ trợ người bệnh tập đứng	Chiếc	02
26	Bàn tập bệnh	Chiếc	01
27	Ván trượt thăng bằng	Chiếc	02
28	Thanh song song tập đi cho người khuyết tật vận động	Chiếc	01
29	Khung tập đi	Bộ	01
30	Gậy 3 chân tập di chuyển	Chiếc	02
31	Gậy tập di chuyển 1 chân	Bộ	02
32	Nạng	Bộ	02
33	Cầu thang tập đi	Chiếc	01
34	Bóng nhờ tập vận động nhi khoa	Bộ	03
35	Bóng nhỏ	Chiếc	06
36	Bóng tập to	Bộ	03
37	Bộ tập tri giác, nhận thức, vận động	Bộ	01
38	Chuối hạt	Chuối	03
39	Bộ đồ chơi cột màu	Bộ	03
40	Bộ đồ chơi xếp hình	Bộ	03
41	Dụng cụ tập phục hồi chức năng cho bàn tay	Chiếc	03
42	Cúc áo các loại	Bộ	06

43	Thùng rác y tế	Chiếc	01
44	Bô vệt	Chiếc	02
45	Búp bê	Bộ	03
46	Gối tam giác	Chiếc	03
47	Bàn bập bênh	Chiếc	01
48	Bộ quần áo bệnh nhân có khuy	Bộ	06
49	Tay giả (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Bộ	02
50	Chân giả (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Bộ	02
51	Gương soi sửa dáng đi cho người khuyết tật	Chiếc	01
52	Dép quai hậu tập đi	Đôi	03
53	Khăn tắm	Chiếc	03
54	Thanh song song tập đi cho người khuyết tật vận động	Chiếc	01
55	Nẹp cổ - bàn tay WHO (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
56	Nẹp dạng khớp hang(SWASH) (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
57	Nẹp trên gối (KAFO) (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
58	Nẹp trên gối có khớp háng (HKAFO) (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
59	Nẹp cổ - bàn chân (AFO) (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
60	Đệm bàn chân FO (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
61	Áo chỉnh hình cột sống ngực-thắt lưng	Chiếc	02
62	Giày dép cho người bệnh phong	Chiếc	02
63	Nệm miếng ghép	Chiếc	10
64	Tủ chứa đồ	Chiếc	01

65	Kệ có bánh xe để máy	Chiếc	01
66	Tượng các huyết	Chiếc	03
67	Tranh các huyết	Chiếc	04
68	Đai hỗ trợ người bệnh tập đứng	Chiếc	03
69	Bộ tranh quy trình kỹ thuật Hoạt động trị liệu	Bộ	01

Phòng 12. Phòng thực hành Vật lý trị liệu 2:

Giảng dạy những nguyên nhân, triệu chứng trong điều trị vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ - xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; Thực hành thành thạo các các phương pháp điều trị vật lý trị liệu, vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ xương.

Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị.

Bố trí giảng dạy môn Phục hồi chức năng trong các Chương trình đào tạo khác tại trường. Giảng môn: Vận động trị liệu, Các phương thức điều trị Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng...

Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy sóng ngắn	Chiếc	01
4	Máy điện phân	Chiếc	01
5	Bàn tập Vật lý trị liệu đa năng điều chỉnh độ cao (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
6	Bàn xoay quay (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
7	Máy siêu âm	Chiếc	01

8	Máy điều trị điện xung, điện phân	Chiếc	01
9	Máy từ trường (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
10	Thiết bị nấu PARAFFIN	Chiếc	01
11	Đèn hồng ngoại	Chiếc	02
12	Máy sóng xung kích điều trị (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
13	Máy Lazer điều trị công suất thấp (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
14	Bồn nước xoáy trị liệu (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh)	Chiếc	01
15	Phích đựng nước nóng	Chiếc	02
16	Ấm đun nước	Chiếc	01
17	Tủ lạnh	Chiếc	01
18	Bàn vận động	Chiếc	01
19	Bảng lật	Chiếc	01
20	Bàn làm việc kèm 2 ghế tựa	Bộ	01
21	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03
22	Chăn	Chiếc	01
23	Ga trải giường	Chiếc	01
24	Nệm miếng ghép	Chiếc	10
25	Gối	Chiếc	01
26	Đệm	Chiếc	01
27	Kính râm	Chiếc	02
28	Tủ đầu giường	Chiếc	01
29	Giường người bệnh	Chiếc	01
30	Bình phong	Cái	01
31	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	03

32	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	03
33	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	03
34	Hộp đựng bông cầu	Chiếc	03
35	Găng tay y tế	Đôi	19
36	Khăn tắm	Chiếc	03
37	Khăn rửa mặt	Chiếc	03
38	Khay chữ nhật	Chiếc	02
39	Khay hạt đậu	Chiếc	03
40	Cân	Chiếc	01
41	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Chiếc	02
42	Vò đập đá	Chiếc	02
43	Xô	Chiếc	02
44	Thùng rác y tế	Chiếc	01
45	Khăn lau	Chiếc	06
46	Bộ tranh quy trình kỹ thuật Vật lý trị liệu	Bộ	01

Phòng 13. Phòng thực hành Hoạt động trị liệu

Thực hành lượng giá chức năng hệ vận động của cơ thể; các kỹ thuật tập vận động trị liệu; Sử dụng thành thạo dụng cụ chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

Bố trí giảng dạy môn Phục hồi chức năng trong các Chương trình đào tạo khác tại trường. Giảng môn: Vận động trị liệu, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Hoạt động trị liệu

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01

2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy kéo cột sống	Bộ	01
4	Máy tập đi bộ (Máy thảm lăn Treadmill) (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
5	Xe đạp tập chân	Chiếc	02
6	Bàn vận động	Chiếc	01
7	Hệ thống kéo giãn cột sống	Chiếc	01
8	Xe lăn cho bệnh nhân liệt nửa người	Chiếc	02
9	Xe lăn cho người liệt 2 chi dưới	Chiếc	02
10	Bảng lật	Chiếc	01
11	Bàn làm việc, kèm 2 ghế tựa	Bộ	01
12	Chăn	Chiếc	01
13	Ga trải giường	Chiếc	01
14	Gối	Chiếc	01
15	Đệm	Chiếc	01
16	Tủ đầu giường	Chiếc	01
17	Giường người bệnh	Chiếc	01
18	Bình phong	Chiếc	01
19	Bộ tạ tập	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm:		
	Tạ tay	Chiếc	03
	Tạ chân	Chiếc	03
20	Khăn tắm	Chiếc	03
21	Khay chữ nhật	Chiếc	02
22	Khay hạt đậu	Chiếc	03
23	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Chiếc	02
24	Thùng rác y tế	Chiếc	01
25	Khung tập đi	Bộ	01
26	Đệm vận động cột sống lưng	Chiếc	01

27	Giường chăm sóc người bệnh đa năng	Chiếc	01
28	Thang gỗ tập cho người khuyết tật vận động	Chiếc	01
29	Thanh song song tập đi cho người khuyết tật vận động	Chiếc	01
30	Gương soi sửa dáng đi cho người khuyết tật	Chiếc	01
31	Giường Massage phục hồi chức năng	Chiếc	01
32	Dụng cụ tập phục hồi chức năng cho bàn tay	Chiếc	03
33	Khung quay tập khớp vai	Chiếc	01
34	Hệ thống ròng rọc tập phục hồi chức năng cho khớp vai	Chiếc	01
35	Dụng cụ tập cho khớp gối	Chiếc	02
36	Ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Chiếc	01
37	Cầu thang tập đi	Chiếc	01
38	Bàn tập bệnh (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	01
39	Thang gỗ gắn tường	Chiếc	01
40	Gậy 3 chân tập di chuyển	Chiếc	02
41	Gậy tập vận động khớp vai	Bộ	02
42	Gậy tập di chuyển 1 chân	Bộ	02
43	Nạng	Bộ	02
44	Bóng tập to	Bộ	03
45	Bóng nhỏ tập vận động nhi khoa	Bộ	03
46	Nệm miếng ghép	Chiếc	10
47	Tủ chứa đồ	Chiếc	01
48	Kệ có bánh xe để máy	Chiếc	01
49	Ghế gỗ	Chiếc	03
50	Tượng các huyết	Chiếc	01
51	Thước dây	Chiếc	03
52	Đai hỗ trợ người bệnh tập đứng	Chiếc	02

53	Bộ đồ chơi cột màu	Bộ	3
54	Bộ đồ chơi xếp hình	Bộ	03
55	Chuối hạt	Chiếc	03
56	Dây cước	Mét	18
57	Khăn bịt mắt	chiếc	06
58	Cúc áo các loại	Bộ	06
59	Dép quai hậu tập đi	Đôi	03
60	Bộ quần áo bệnh nhân có khuy	Bộ	06
61	Bộ cốc chén có quai	Bộ	02
62	Ca	Chiếc	03
63	Bô	Chiếc	02
64	Bô dẹt	Chiếc	02
65	Bô vệt	Chiếc	02
66	Bình đựng nước nguội	Chiếc	02
67	Chậu	Chiếc	02
68	Giày dép cho người bệnh phong (Thực tập tại cơ sở thực hành)	Chiếc	02
69	Bàn chải đánh răng	Bộ	19
70	Lược chải đầu	Chiếc	03
71	Khung quay	Chiếc	01
72	Giày tập đi	Đôi	06
73	Cân	Chiếc	01
74	Gối tròn	Chiếc	03
75	Ván trượt thẳng bằng	Chiếc	02
76	Bục gỗ	Chiếc	02
77	Dụng cụ chèo thuyền	Chiếc	02
78	Bộ tranh quy trình kỹ thuật vận động trị liệu	Bộ	01

1.4.Nhà giáo:

Số lượng, chất lượng nhà giáo (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề; nghiệp vụ sư phạm; trình độ tin học, ngoại ngữ): 52 Giáo viên cơ hữu (32 nhà giáo môn chung – 20 gv chuyên ngành), 10 giáo viên kiêm chức, đảm bảo theo quy định tối đa 25 SV/1 nhà giáo

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
1.	Nguyễn Thị Nga	x		PHCN	x				x
2.	Trần Đức Hưng	x		PHCN			x		x
3.	Tào Văn Minh	x		PHCN			x		x
4.	Trần Thị Oanh	x		Điều dưỡng			x		x
5.	Hoàng Văn Bình	x		PHCN			x		x
6.	Ngô Diệu Linh	x		Điều dưỡng			x		x
7.	Mai Thị Gấm	x		Điều dưỡng			x		x
8.	Nguyễn Phương Thuý	x		Điều dưỡng			x		x
9.	Lê An Giang	x		PHCN			x		
10.	Lê Thị Thu Hằng	x		Đa khoa		x			
11.	Nguyễn Thị Thúy	x		Bác sỹ			x		
12.	Trịnh Thị Thu Hiền	x		Bác sỹ			x		
13.	Nguyễn Quốc Thịnh	x		Bác sỹ			x		
14.	Cao Thùy Hân	x		Dược			x		
15.	Nguyễn Ngọc Thúy Hồng	x		Điều dưỡng			x		
16.	Nguyễn Thị Lan Anh	x		Điều dưỡng			x		
17.	Đỗ Tuấn Linh	x		PHCN			x		
18.	Trịnh Thị Phụng	x		Toán		x			
19.	Ngô Thị Ngọc Lê	x		Hóa		x			
20.	Lê Thị Thủy	x		Hoá		x			
21.	Lê Huy Cường		x	PHCN		x			
22.	Ngô Tất Thành		x	PHCN		x			
23.	Lê Đức Hải		x	Nội - PHCN		x			
24.	Lê Đăng Khôi		x	PHCN		x			
25.	Đỗ Thị Nhung		x	PHCN		x	x		
26.	Lê Xuân Thành		x	PHCN		x			

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
27.	Lê Đỗ Đạt		x	Bác sỹ		x			
28.	Đào Xuân Thúc		x	Dược			x		
29.	Trương Thị Hương		x	Điều dưỡng			x		
30.	Trần Thị Thủy		x	Điều dưỡng			x		

1.5. CƠ SỞ THỰC HÀNH KÝ KẾT VỚI NHÀ TRƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2017/NĐ-CP

Hiện tại, Nhà trường đã ký hợp đồng đào tạo thực hành lâm sàng với tất cả các Bệnh viện đảm bảo điều kiện là cơ sở thực hành theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe gồm 31 bệnh viện:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa
2. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa
3. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa
4. Bệnh viện Mắt Thanh Hóa
5. Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa
6. Bệnh Viện Tâm thần Thanh Hóa
7. Bệnh viện Đông Y
8. Bệnh viện Phổi Thanh Hóa
9. Bệnh viện Phục hồi chức năng Trung Ương
10. Bệnh viện đa khoa Thành phố Thanh Hóa
11. Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung
12. Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định
13. Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa
14. Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước
15. Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn
16. Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy

17. Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát
18. Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành
19. Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành
20. Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương
21. Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn
22. Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Lặc
23. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa
24. Bệnh viện đa khoa huyện Tĩnh Gia
25. Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh
26. Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân
27. Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc
28. Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống
29. Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân
30. Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn
31. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa

1.6. Chương trình đào tạo: Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới chương trình đào tạo cho tất cả các chuyên ngành, các cấp đào tạo đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo đồng thời mang tính ổn định, cập nhật, phù hợp với định hướng phát triển, xây dựng nhà trường thành Trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể:

(Nội dung chi tiết có file đính kèm công khai tại website của trường).

**Tên ngành, nghề: Kỹ thuật phục hồi chức năng
(Rehabilitation technology)**

Mã ngành, nghề: 6720603

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng có ý thức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình cao đẳng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- *Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định, đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp;*
- Trình bày được các quy định Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;
- Giải thích các kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học, dược lý, cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc điều trị;
- Trình bày được các phương pháp chẩn cứu và chữa bệnh không dùng thuốc (y học cổ truyền) phục hồi chức năng cho người bệnh;
- Giải thích được những nguyên nhân, triệu chứng trong điều trị vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ -xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;
- Trình bày được phương pháp vận động trị liệu, qui trình thực hiện lượng giá chức năng hệ vận động, qui trình bảo quản trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị;
- Phân tích được tác dụng điều trị trong các trường hợp vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ, vật lý trị liệu cơ xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;
- Trình bày đầy đủ chỉ định, chống chỉ định điều trị bằng dụng cụ chỉnh hình và liệt kê các bước sử dụng từng loại dụng cụ trợ giúp.
- Giải thích rõ tác dụng của từng loại dụng cụ chỉnh hình và dụng cụ trợ để người bệnh sử dụng đúng.
- Trình bày đầy đủ cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, liệt kê các bước xoa bóp, bấm huyệt.
- Trình bày đầy đủ chỉ định, chống chỉ định, mô tả đầy đủ các bước thực hiện điều trị bằng phương pháp hoạt động trị liệu.

- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học;
- Giải thích được chính sách, pháp luật về chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, luật khám chữa bệnh, quy định về chuyên môn nghiệp vụ, quy định chế độ thanh quyết toán tài chính.

1.2.2. Về kỹ năng

- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp hiệu quả;
- Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu;
- Xác định được vị trí giải phẫu cơ - xương - thần kinh trên người bệnh;
- Lượng giá thành thạo chức năng hệ vận động của cơ thể;
- Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng;
- Thực hiện thành thạo các thao tác tập vận động trị liệu, các phương pháp điều trị vật lý trị liệu, vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ xương;
- Áp dụng các phương pháp châm cứu và chữa bệnh không dùng thuốc (y học cổ truyền) phục hồi chức năng cho người bệnh;
- Thực hiện thành thạo động tác xoa bóp, bấm huyệt cơ bản. Theo dõi, đánh giá hiệu quả của xoa bóp, bấm huyệt trên người bệnh.
- Thực hiện thành thạo các bước điều trị bằng hoạt động trị liệu. Sử dụng thành thạo dụng cụ trợ giúp.
- Theo dõi, đánh giá hiệu quả của điều trị bằng hoạt động trị liệu trên người bệnh và xử trí đúng và kịp thời các tai biến trong điều trị.
- Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị;
- Hướng dẫn thành thạo các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.
- Xây dựng kế hoạch làm việc theo nhóm và phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện kế hoạch chăm sóc điều trị cho bệnh nhân;
- Tổ chức và quản lý khoa phòng vật lý trị liệu phục hồi chức năng một cách khoa học;
- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, quy chế chuyên môn. Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực xét nghiệm và các quy định khác của ngành y tế;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Chủ động, sáng tạo trong công việc, chấp hành nhiệm vụ được giao tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình, của nhóm; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tích cực;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật;
- Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh;
- Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, phòng ngừa tàn tật cho người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Hướng dẫn, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công;
- Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên.
- Có tinh thần đoàn kết, hòa nhã, khiêm tốn với đồng nghiệp, cảm thông, chia sẻ, ân cần chu đáo với người bệnh và gia đình người bệnh;
- Trung thực, khách quan, thận trọng trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng có thể làm việc tại các học viện, Viện nghiên cứu, Bệnh viện trung ương, Bệnh viện tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, các bệnh viện huyện/thị xã trực thuộc tỉnh, các bệnh viện ngoài công lập, các trung tâm y tế quận (huyện), các Trạm y tế xã phường các khoa, trung tâm vật lý trị liệu - phục hồi chức năng với các vị trí việc làm sau:

- Phục hồi chức năng về vật lý trị liệu;
- Phục hồi chức năng về hoạt động trị liệu.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 47

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **113.5** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: **2294** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **880** giờ. Thực hành, thực tập, lâm sàng: **1739** giờ.
Kiểm tra: **110** giờ
- Thời gian khóa học : **3** năm

3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành /TT/LS	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	6	120	42	72	6
II	Các môn cơ sở ngành và chuyên ngành	92.5	2294	723	1484	87
II.1	Các môn học cơ sở ngành	42	764	485	238	41
MH 07	Xác suất, thống kê Y học	2	30	28	0	2
MH 08	Sinh học và Di truyền	1	15	14	0	1
MH 09	Hóa học	2	30	28	0	2
MH 10	Lý sinh	2	30	28	0	2
MH 11	Giải phẫu	3	60	30	27	3
MH 12	Sinh lý	2	39	28	9	2
MH 13	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
MH 14	Hoá sinh	2	30	28	0	2
MH 15	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2.5	45	28	15	2
MH 16	Dược lý	2.5	45	28	15	2
MH 17	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	2	35	5	28	2
MH 18	Sức khỏe - Vệ sinh - Môi trường	2	30	28	0	2
MH 19	Dịch tễ	1	15	14	0	1
MH 20	Dinh dưỡng - Tiết chế -Vệ sinh an toàn thực phẩm	1	15	14	0	1
MH 21	Y xã hội	2.5	45	30	13	2
MH 22	Bệnh cơ sở	4	60	56	0	4
MH 23	Lâm sàng bệnh cơ sở	2	90	0	88	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành /TT/LS	Thi/Kiểm tra
MH 24	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.5	30	14	14	2
MH 25	Quá trình phát triển con người	2	30	28	0	2
MH 26	Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh	2.5	45	28	14	3
II.2	Môn Chuyên Ngành	51	1545	238	1261	46
MH 27	Xoa bóp trị liệu	2	45	14	29	2
MH 28	Thử cơ và đo tầm hoạt động	2	45	14	29	2
MH 29	Vận động trị liệu	4	90	28	58	4
MH 30	Các phương thức điều trị vật lý trị liệu	2	45	14	29	2
MH 31	Bệnh lý và PHCN hệ cơ - xương	4	90	28	58	4
MH 32	Bệnh lý và PHCN hệ Tim mạch - Hô hấp	2	45	14	29	2
MH 33	Bệnh lý và PHCN hệ Da - Tiêu hóa - Tiết niệu - Sinh dục - Nội tiết	2	45	14	29	2
MH 34	Bệnh lý và PHCN hệ thần kinh cơ	2	45	14	29	2
MH 35	Ngôn ngữ trị liệu	2	30	28	0	2
MH 36	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	45	14	29	2
MH 37	Hoạt động trị liệu	2	60	14	44	2
MH 38	Quản lý khoa/phòng vật lý trị liệu	1	15	14	0	1
MH 39	Y học cổ truyền và dưỡng sinh	3	75	14	59	2
MH 40	PHCN Nhi khoa	2	45	14	29	2
MH 41	Thực tập lâm sàng 1	2	90	0	88	2
MH 42	Thực tập lâm sàng 2	2	90	0	88	2
MH 43	Thực tập lâm sàng 3	2	90	0	88	2
MH 44	Thực tập lâm sàng 4	2	90	0	88	2
MH 45	Thực hành nghiên cứu khoa học	1	15	0	14	1
MH 46	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	264	6
MH 47	Kiểm tra tay nghề cuối khóa	4	180	0	180	0
	Tổng	113.5	2729	880	1739	110

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1 Hướng dẫn sử dụng các môn học chung

6 môn học chung gồm các môn: Giáo dục chính trị; Pháp luật; Tin học; Ngoại ngữ; Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh được sử dụng chung, thống nhất trong đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng của hệ thống Giáo dục nghề nghiệp đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và Ban hành theo các Thông tư cụ thể sau:

- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật

4.3. Kiểm tra sau khi kết thúc môn học

Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập thực hành, chuyên đề, báo cáo.

Thời gian kiểm tra:

- Lý thuyết: Không quá 120 phút
- Thực hành: Không quá 8 giờ

Thời gian kiểm tra của các môn học được tích hợp giữa lý thuyết, thực hành, lâm sàng.

4.4. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Kiểm tra thực hành tay nghề	Thực hành	Không quá 24 giờ

4.5. Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp

4.5.1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

4.5.2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4.6. Văn bằng, danh hiệu cấp cho người học

- Văn bằng tốt nghiệp: Cao đẳng
- Danh hiệu: Cử nhân thực hành

4.7. Các chú ý khác

- Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;

- Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để học sinh được học tập và thực tế trên lâm sàng.